

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /2020/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 21 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 – 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1953/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 – 2030; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung (sau đây gọi tắt là khu xử lý rác thải) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài nước (gọi tắt là nhà đầu tư) đảm bảo năng lực tài chính, kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm tham gia đầu tư khu xử lý rác thải.

2. Các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) có khu xử lý rác thải và xã, phường, thị trấn giáp ranh khu xử lý rác thải.

Điều 3. Điều kiện, nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

1. Cơ chế khuyến khích đầu tư quy định tại Nghị quyết này áp dụng đối với các khu xử lý rác thải cấp huyện, liên huyện (cấp tỉnh).

2. Mỗi thành phố, thị xã, huyện đồng bằng được hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 khu xử lý rác thải cấp huyện; mỗi huyện miền núi được hỗ trợ đầu tư xây dựng tối đa 03 khu xử lý rác thải cấp huyện theo Đề án quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích các địa phương chủ động tìm kiếm, thu hút nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư khu xử lý rác thải trên địa bàn.

3. Về công nghệ xử lý:

a) Áp dụng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh đối với khu xử lý rác thải có công suất tối đa 50 tấn/ngày đêm.

b) Áp dụng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ đốt hoặc công nghệ tiên tiến khác đối với các khu xử lý rác thải có công suất trên 50 tấn/ngày đêm.

4. Trường hợp có nhiều nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện theo quy định thì ưu tiên hỗ trợ nhà đầu tư áp dụng công nghệ tiên tiến, có kinh nghiệm hơn.

5. Phương thức hỗ trợ

a) Đối với nhà đầu tư: Ngân sách nhà nước hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này sau khi hoàn thành các nội dung công việc và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc căn cứ khối lượng nghiệm thu, quyết toán theo hồ sơ thiết kế, dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (hỗ trợ sau đầu tư).

b) Đối với xã: Ngân sách nhà nước hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này sau khi được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân theo quy định hiện hành của nhà nước để tạo mặt bằng sạch cho khu vực xây dựng khu xử lý rác thải (tính đến hàng rào dự án).

b) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực nhà ở cho các hộ dân trong phạm vi bán kính an toàn (vùng đệm) của khu xử lý rác thải (phạm vi bán kính 1.000 mét đối với trường hợp áp dụng công nghệ chôn lấp; bán kính 500 mét đối với trường hợp áp dụng công nghệ đốt hoặc công nghệ tiên tiến khác; trong đó bán kính được tính từ ranh giới hoặc hàng rào của dự án).

c) Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng các tuyến đường vào khu xử lý rác thải theo tiêu chuẩn đường đạt chuẩn nông thôn mới đối với khu xử lý cấp huyện; theo tiêu



chuẩn đường ĐH đối với khu xử lý cấp tỉnh. Trong đó, ưu tiên chọn tuyến đường dẫn không đi qua khu dân cư hoặc có dân cư thưa thớt.

d) Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng công trình cấp điện (tính đến hàng rào) khu xử lý rác thải.

2. Hỗ trợ địa phương

a) Các xã nơi có khu xử lý rác thải và xã giáp ranh khu xử lý rác thải (trường hợp khu xử lý rác thải có ranh giới giáp với địa phương khác) được hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh (cấp nước sạch, giao thông, thủy lợi, mương thoát nước).

b) Mức hỗ trợ một lần tính theo khối lượng rác thải rắn sinh hoạt phát sinh hiện tại của mỗi khu xử lý rác thải, cụ thể:

Stt	Khối lượng rác phát sinh được xử lý (tấn/ngày, đêm)	Mức hỗ trợ (tỷ đồng/khu xử lý)
1	Dưới 50	5
2	Từ 50 đến 100	7
3	Từ 100 đến 200	9
4	Từ 200 đến 300	11
5	Từ 300 đến 400	13
6	Trên 400	15

c) Ngoài định mức bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường theo các quy định hiện hành, các xã có khu xử lý rác thải và xã giáp ranh khu xử lý rác thải được hỗ trợ trong 05 năm với mức hỗ trợ 100 triệu đồng/năm/xã để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan, nhằm bảo vệ môi trường xung quanh khu xử lý rác thải.

d) Trường hợp khu xử lý rác thải có ranh giới giáp với xã khác, chỉ thực hiện hỗ trợ các nội dung nêu tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này đối với 01 (một) xã/01 khu xử lý rác thải.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh đảm bảo 100%.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; trường hợp phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp các vấn đề liên quan về công nghệ xử lý, năng lực nhà đầu tư, địa điểm thực hiện dự án, thời gian thực hiện từng dự án, báo

cáo Thường trực HĐND tỉnh thống nhất bằng văn bản trước khi quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

c) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn phù hợp với từng địa phương, xác định rõ trách nhiệm người dân trong phân loại rác thải; cơ chế thu gom, vận chuyển và xử lý rác sau phân loại.

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện tại các kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2020. /

Nơi nhận¹:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- Công báo tỉnh;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH (Hiện).

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường



¹ Gửi qua trực văn bản liên thông